

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi  
và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 1011/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 241 /BC-HĐND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố như sau**

1. Đối với người cao tuổi sống đơn thân, có hoàn cảnh khó khăn (*là người có con, người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng duy nhất đã từ vong*) và người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên sống đơn thân, neo đơn (*không có chồng, vợ, con*) có nguồn thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức hộ cận nghèo (*được khảo sát đánh giá tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về qui định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn liên quan*) đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú thì được chăm lo, hỗ trợ như sau:

a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

b) Mức hỗ trợ hàng tháng là: 480.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với người trong độ tuổi lao động từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi thuộc hộ nghèo bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (*có xác nhận điều trị của cơ quan y tế có thẩm quyền, của Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội*), bị bệnh hiểm nghèo (*có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm*

nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế), đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo diện hộ nghèo, nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú:

Mức hỗ trợ hàng tháng là: 480.000đ đồng/người/tháng.

3. Trẻ em đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đã tử vong (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP):

a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

b) Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các trường tư thục mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập;

c) Mức hỗ trợ hàng tháng:

- Trẻ em dưới 4 tuổi là: 1.200.000 đồng/trẻ/tháng

- Trẻ em từ đủ 4 tuổi trở lên là: 720.000 đồng/trẻ/tháng.

4. Trẻ em đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo (được khảo sát đánh giá tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn liên quan).

a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

b) Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các trường tư thục mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập;

c) Mức hỗ trợ hàng tháng là: 720.000 đồng/trẻ/tháng.

5. Trẻ em đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) mà mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ cận nghèo (được khảo sát đánh giá tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn liên quan).

a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

b) Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân thành phố quy định; (riêng trường hợp trẻ em đang học tại các trường tư thục mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập);

c) Mức hỗ trợ hàng tháng là: 480.000 đồng/trẻ/tháng.

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

7. Phương thức hỗ trợ: Chi trả hàng tháng cho các đối tượng thụ hưởng.

8. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Đây là chính sách đặc thù của thành phố nhằm chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố. Đối tượng hưởng chính sách này thì không được hưởng chính sách xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình khảo sát, xét duyệt danh sách các đối tượng có mức thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức thu nhập của chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 -

2025) để xác định đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được hưởng chính sách này, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch; hướng dẫn chi tiết về quy trình xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan;

c) Chỉ đạo các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền đúng, đầy đủ và kịp thời thực hiện chính sách để tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện chính sách này một cách cụ thể, phân công rõ ràng, chặt chẽ, thống nhất trên địa bàn thành phố;

e) Tổng hợp tình hình, đánh giá hiệu quả thực hiện Nghị quyết trong 02 năm (2022 - 2023) và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Khóa X cho ý kiến đối với việc tiếp tục thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát tổ chức thực hiện.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa X kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**